

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 11 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
LỚP TCELLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Anh	01	63	7.0	Bảy	
2	Trần Tuấn Anh	02	65	7.0	Bảy	
3	Lý Văn Bắc	03	64	7.5	Bảy rưỡi	
4	Hoàng Thị Chinh	04	35	7.0	Bảy	
5	Nguyễn Thị Chuyên	05	08	7.0	Bảy	
6	Nguyễn Thành Công	06	60	7.0	Bảy	
7	Trần Thị Dịu	07	42	7.5	Bảy rưỡi	
8	Triệu Thị Phương Dung	08	13	8.0	Tám	
9	Nguyễn Văn Dũng	09	03	7.5	Bảy rưỡi	
10	Ngô Thị Duyên	10	47	7.0	Bảy	
11	Triệu Thị Duyên	11	41	8.0	Tám	
12	Trần Văn Đạt	12	02	8.0	Tám	
13	Triệu Thị Đông	13	66	7.5	Bảy rưỡi	
14	Lê Thị Hằng	14	25	8.0	Tám	
15	Phạm Thị Hạnh	15	59	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Văn Hiền	16	30	7.0	Bảy	
17	Trần Thị Hiếu	17	54	7.5	Bảy rưỡi	
18	Hà Thị Hoa	18	20	7.5	Bảy rưỡi	
19	Triệu Minh Hòa	19	56	7.0	Bảy	
20	Nguyễn Mạnh Hồng	20	21	7.0	Bảy	



47

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
21	Nguyễn Thị Huế	21	32	8.0	Tám	
22	Nguyễn Quốc Hưng	22	68	7.0	Bảy	
23	Bùi Thị Hương	23	27	8.0	Tám	
24	Hà Thị Thu Huyền	24	34	8.0	Tám	
25	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25	26	8.0	Tám	
26	Trần Văn Kiểm	26	24	7.0	Bảy	
27	Đàm Huyền Kim	27	11	8.0	Tám	
28	Vũ Hồng Lam	28	58	7.0	Bảy	
29	Nguyễn Thị Lâm	29	18	8.0	Tám	
30	Nguyễn Ngọc Liêm	30	19	7.5	Bảy rưỡi	
31	Vũ Thị Liên	31	69	7.0	Bảy	
32	Nguyễn Thị Linh	32	16	7.5	Bảy rưỡi	
33	Hà Quang Lĩnh	33	51	7.0	Bảy	
34	Lê Thị Loan	34	57	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Quang Long	35	15	8.0	Tám	
36	Nguyễn Thị Lựu	36	12	8.0	Tám	
37	Triệu Đức Luyện	37	14	8.0	Tám	
38	Trần Thu Mến	38	29	8.0	Tám	
39	Vũ Văn Nam	39	22	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Đình Nam	40	78	7.0	Bảy	
41	Ngô Thị Nga	41	43	8.0	Tám	
42	Nguyễn Trung Nghĩa	42	76	7.5	Bảy rưỡi	
43	Tổng Quang Nghĩa	43	62	7.0	Bảy	
44	Nguyễn Thị Ngọc	44	44	7.0	Bảy	
45	Ngô Văn Ngọc	45	10	7.0	Bảy	
46	Vũ Thị Tuyết Nhung	46	33	7.0	Bảy	
47	Hứa Văn Ninh	47	17	7.5	Bảy rưỡi	
48	Lương Thị Phương	48	46	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
49	Nguyễn Văn Quân	49	75	7.0	Bảy	
50	Nguyễn Hồng Quang	50	53	7.0	Bảy	
51	Trần Thị Đỗ Quyên	51	40	8.0	Tám	
52	Đỗ Thanh Sang	52	23	7.0	Bảy	
53	Chu Hồng Sơn	53	49	7.0	Bảy	
54	Dương Trường Tân	54	70	7.5	Bảy rưỡi	
55	Lương Văn Thạch	55	52	7.5	Bảy rưỡi	
56	Lê Văn Thái	56	36	7.0	Bảy	
57	Nông Thị Thắm	57	72	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Đức Thành	58	28	8.0	Tám	
59	Đào Thị Thảo	59	73	7.0	Bảy	
60	Nông Thị Thảo	60	48	7.0	Bảy	
61	Trần Văn Thảo	61	04	7.0	Bảy	
62	Quách Mạnh Thế	62	38	7.0	Bảy	
63	Lê Thị Thơm	63	31	8.0	Tám	
64	Nguyễn Thị Hà Thương	64	77	7.0	Bảy	
65	Lưu Thị Thủy	65	09	8.0	Tám	
66	Lưu Thị Bích Thủy	66	50	7.5	Bảy rưỡi	
67	Ngô Sỹ Toàn	67	39	7.0	Bảy	
68	Trịnh Thị Trang	68	06	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Đăng Tự	69	37	7.0	Bảy	
70	Chu Văn Tuấn	70	74	7.0	Bảy	
71	Hoàng Anh Tuấn	71	01	8.0	Tám	
72	Hoàng Văn Tuấn	72	05	7.5	Bảy rưỡi	
73	Trần Văn Tuấn	73	07	7.0	Bảy	
74	Vũ Văn Tuấn	74	79	7.5	Bảy rưỡi	
75	Phan Thanh Tùng	75	67	7.5	Bảy rưỡi	
76	Trần Thị Tuyết	76	45	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
77	Lê Thị Hồng Vân	77	55	7.5	Bảy rưỡi	
78	Nguyễn Thanh Xuyên	78	71	7.0	Bảy	
79	Lê Trung Kiên	79	61	6.5	Sáu rưỡi	Phần III.2, lớp TCLLCT-HC K41 KTT

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA NN&PL

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phúc Ái



Nguyễn Thị Hồng Mây



Phạm Minh Chuyên

